

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 6/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh:

a) Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của các chủ đầu tư để bổ sung cho các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các chủ đầu tư với số vốn 31.937 triệu đồng từ 05 danh mục, dự án để bổ sung cho 06 danh mục, dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

c) Thông qua danh mục 05 dự án chuẩn bị đầu tư (danh mục được bổ sung vốn) và dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn của các dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

d) Bổ sung 02 dự án vào danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo)

đ) Điều chỉnh tên các dự án đã được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Điều chỉnh tên dự án “*Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương*” thành “*Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải trường THPT Hùng Vương (Trường THPT Bùi Thị Xuân)*”.

- Điều chỉnh tên dự án “*Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng*” thành “*Xây dựng mới trạm y tế xã An Hưng*”.

(Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo)

2. Ngân sách trung ương:

a) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 72.000 triệu đồng cho dự án Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 06, 07 kèm theo)

b) Các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Phân bổ chi tiết vốn chưa phân bổ 7.592 triệu đồng cho dự án Khu dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok), huyện Hoài Ân.

(Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo)

+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc – Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Điều chỉnh giảm 1.362 triệu đồng của 3 dự án để bổ sung cho 01 dự án thuộc xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Thạnh.

(Chi tiết như Phụ lục 09 kèm theo)

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

+ Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Phân bổ chi tiết vốn chưa phân bổ 72.452 triệu đồng cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Y tế Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 10 kèm theo)

- Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: Điều chỉnh giảm 11.922 triệu đồng phân bổ cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định (380 triệu đồng) và vốn chưa phân bổ (11.542 triệu đồng) để bổ sung cho Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 11 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư và dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn của các dự án; các chủ đầu tư khẩn trương triển khai hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án để đủ điều kiện giao kế hoạch vốn trung hạn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT tin học, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, K1, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH TRUNG HẠN CỦA CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
A	ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ CÁC CHỦ ĐẦU TƯ					
I	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC					
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-17.009			
1	Nâng cấp tuyến đường ĐH.42, huyện Tuy Phước	8.400	-2.079	6.321	UBND huyện Tuy Phước	
2	Sửa chữa trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận	2.298	-2.013	285	UBND huyện Tuy Phước	
3	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	21.606	-12.917	8.689	UBND huyện Tuy Phước	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		17.009			
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành, huyện Tuy Phước	16.508	10.000	26.508	UBND huyện Tuy Phước	
2	Tuyến đường ĐT.631, đoạn từ Nhơn Hạnh đến giáp đường Cát Tiến - Diêm Vãn, huyện Tuy Phước	4.000	7.009	11.009	UBND huyện Tuy Phước	
II	UBND HUYỆN PHÙ MỸ					
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-3.150			
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	1.319	-130	1.189	UBND huyện Phù Mỹ	
2	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	10.106	-3.020	7.086	UBND huyện Phù Mỹ	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		3.150			
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Mỹ Chánh		3.150	3.150	UBND huyện Phù Mỹ	
B	ĐIỀU CHỈNH GIỮA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ					
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-34.000			

STT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
1	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Bình Định	9.000	-9.000	0	Sở NNPTNT	
2	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	50.986	-20.000	30.986	BQL dự án DD&CN tỉnh	
3	Hiện đại hóa các trang thiết bị phòng họp của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	15.000	-5.000	10.000	Văn phòng UBND tỉnh	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		34.000			
1	Dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định		20.000	20.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
2	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn		14.000	14.000	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 01

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mỗi giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
I	BQL DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH								
	Dự án điều chỉnh giảm					-52.279			
1	Dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	711/QĐ-UBND; 10/03/2016 247/QĐ-UBND; 21/01/2022	613.792	284.163	8.380	-1.170	7.210	BQL dự án giao thông tỉnh	
2	Dự án Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1646/QĐ-UBND; 18/5/2018 3899/QĐ-UBND; 21/9/2021	167.865	167.865	11.000	-1.681	9.319	BQL dự án giao thông tỉnh	
3	Dự án Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định	325/QĐ-UBND; 05/02/2020 1144/QĐ-UBND; 07/04/2022	29.850	29.850	29.000	-3.026	25.974	BQL dự án giao thông tỉnh	
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (giai đoạn 1)	3932a/QĐ-UBND; 30/10/2015 3681/QĐ-UBND; 06/9/2021	100.000	40.000	39.934	-2.403	37.531	BQL dự án giao thông tỉnh	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	3804/QĐ-UBND; 30/10/2018 622/QĐ-UBND; 28/2/2022	129.353	129.353	90.000	-13.999	76.001	BQL dự án giao thông tỉnh	
6	Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3674/QĐ-UBND; 08/11/2022	611.654	355.273	310.000	-30.000	280.000	BQL dự án giao thông tỉnh	
	Dự án điều chỉnh tăng					52.279			
1	Dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022	336.001	336.001	167.716	32.279	199.995	BQL dự án giao thông tỉnh	
2	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	3299/QĐ-UBND; 06/9/2023	79.290	79.290		20.000	20.000	BQL dự án giao thông tỉnh	
II	BQL DỰ ÁN NNPTNT								
	Dự án điều chỉnh giảm					-16.630			
1	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	1077/QĐ-UBND; 04/04/2022	220.000	50.000	25.000	-16.630	8.370	BQL dự án NNPTNT tỉnh	
	Dự án điều chỉnh tăng					16.630			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 3954/QĐ-UBND; 28/11/2022	754.040	204.040	135.000	16.630	151.630	BQL dự án NNPTNT tỉnh	
III	BCH QUÂN SỰ TỈNH								
	Dự án điều chỉnh giảm					-1.850			
1	Đường hầm Sh02-BD13	1607/QĐ-UBND; 20/6/2013 122/QĐ-UBND-m; 03/10/2019	29.050	29.050	6.350	-1.850	4.500	BCH Quân sự tỉnh	
	Dự án điều chỉnh tăng					1.850			
1	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	4685/QĐ-UBND; 25/11/2021 4143/UBND-NC; 21/6/2023	12.639	12.639	10.000	1.850	11.850	BCH Quân sự tỉnh	
IV	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC								
	Dự án điều chỉnh giảm					-3.085			
1	Nâng cấp tuyến đường Lê Công Miến, TT Tuy Phước	143/QĐ-UBND; 16/01/2018 208/QĐ-UBND; 19/01/2021	14.837	1.808	1.808	-958	850,00	UBND huyện Tuy Phước	
2	Trạm Y tế Phước Hưng, huyện Tuy Phước	61/QĐ-SKHĐT; 26/2/2021	3.386	1.385	1.692	-307	1.385	UBND huyện Tuy Phước	
3	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn	161/QĐ-SKHĐT; 31/5/2021	5.064	2.561	2.156	-88	2.068	UBND huyện Tuy Phước	
4	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	4722/QĐ-UBND; 27/11/2021	35.142	8.689	22.198	-592	21.606	UBND huyện Tuy Phước	
5	Cầu Bàn Xoài - Phước Nghĩa	4092/QĐ-UBND; 6/12/2022	22.498	8.860	10.000	-1.140	8.860	UBND huyện Tuy Phước	
	Dự án điều chỉnh tăng					3.085			
1	Trạm Y tế Phước An, huyện Tuy Phước	22/QĐ-SKHĐT; 18/2/2022	4.366	1.772	1.648	124	1.772	UBND huyện Tuy Phước	
2	Xây dựng cầu Hóc Công, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	2447/QĐ-UBND; 05/7/2023	25.887	9.809	6.847	2.961	9.808	UBND huyện Tuy Phước	
V	UBND HUYỆN HOÀI AN								
	Dự án điều chỉnh giảm					-9.915			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Nâng cấp tuyến đường Ân Hữu – Đak Mang (đoạn Xuân Sơn và đoạn cầu Nước Lương đi thôn T6 xã Đak Mang)	2517/QĐ-UBND; 23/7/2019 5256/QĐ-UBND; 24/12/2020	19.461	11.639	11.639	-859	10.780	UBND huyện Hoài Ân	
2	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế TT.Tăng Bạt Hổ	657/QĐ-UBND; 25/02/2021	4.531	2.811	2.810	-1.056	1.754	UBND huyện Hoài Ân	
3	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	5140/QĐ-UBND; 16/12/2020	12.399	6.537	7.515	-1.115	6.400	UBND huyện Hoài Ân	
4	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1299/QĐ-UBND; 13/4/2021	5.187	3.007	3.007	-1.146	1.861	UBND huyện Hoài Ân	
5	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	5126/QĐ-UBND; 16/12/2020	10.016	4.934	4.934	-1.454	3.480	UBND huyện Hoài Ân	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ bến xe cũ đi Trung tâm tập kết mua bán động vật tập trung và vùng sản xuất rau an toàn	3799/QĐ-UBND, 30/10/2018	14.393	8.622	1.720	-1.720	-	UBND huyện Hoài Ân	
7	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	219/QĐ-UBND; 19/01/2021	11.619	6.011	6.335	-2.003	4.332	UBND huyện Hoài Ân	
8	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và nhà hiệu bộ	5139/QĐ-UBND; 16/12/2020	9.067	4.567	4.787	-562	4.225	UBND huyện Hoài Ân	
	Dự án điều chỉnh tăng					9.915			
1	Xây dựng cầu vượt lũ Hiệp Định	447/QĐ-UBND 13/02/2022	35.293	20.251	15.483	4.768	20.251	UBND huyện Hoài Ân	
2	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196	26.147	21.000	5.147	26.147	UBND huyện Hoài Ân	
VI	UBND HUYỆN PHÙ MỸ								
	Dự án điều chỉnh giảm					-13.010			
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	4054/QĐ-UBND; 13/10/2019	14.119	4.502	3.115	-1.796	1.319	UBND huyện Phù Mỹ	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	2536/QĐ-UBND; 12/9/2013 630/QĐ-UBND; 03/3/2017	39.039	29.280	4.097	-2.000	2.097	UBND huyện Phù Mỹ	
3	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	3463/QĐ-UBND; 27/9/2019	25.261	9.000	10.214	-9.214	1.000	UBND huyện Phù Mỹ	
	Dự án điều chỉnh tăng					13.010			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Nâng cấp, mở rộng và tu bổ tôn tạo di tích Địa điểm lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	3226/QĐ-UBND; 05/9/2017 4038/QĐ-UBND; 01/10/2021	35.800	28.656	16.656	5.645	22.301	UBND huyện Phù Mỹ	
2	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	63/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	436.700	125.350	42.679	7.365	50.044	UBND huyện Phù Mỹ	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 02

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH GIỮA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mỗi giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
I	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM					-31.937			
1	Dự án Mở rộng TTYT huyện Hoài Nhơn; hạng mục Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	288/QĐ-UBND; 04/7/2016 3487/QĐ-UBND; 25/8/2020	75.000	14.470	13.812	-13.812	0	Sở Y tế	
2	Dự án Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn; hạng mục Nhà Điều trị 251 giường - Hệ thống khí y tế	271/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2021	6.620	6.620	7.025	-7.025	0	Sở Y tế	
3	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Bình Định	3485/QĐ-UBND; 25/10/2022	84.613	23.863	10.600	-1.600	9.000	Sở NNPTNT	
4	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1824/QĐ-UBND; 8/6/2022	59.470	9.470	10.000	-5.000	5.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Hỗ trợ hợp tác bên Lào				7.500	-4.500	3.000		
II	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG					31.937			
II.1	Hoàn trả vốn Trái phiếu chính phủ năm 2013 theo Báo cáo Kiểm toán ngày 15/04/2015 của Kiểm toán Nhà nước					2.792			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Da	869/QĐ-CTUBND; 26/4/2010	28.260	5.608		1.529		UBND huyện Tuy Phước	
2	Nhà ký túc xá số 3 và số 4 thuộc Trường Cao Đẳng Sư phạm Bình Định (mua sắm thiết bị nội thất)	991/QĐ-CTUBND; 28/4/2009	35.777	5.346		1.263		Trường CĐ KTCN Quy Nhơn	
II.2	Các dự án bổ sung vốn					29.145			
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Công Thương Bình Định	44/QĐ-SKHĐT; 10/3/2023 6184/UBND-KT; 28/8/2023	11.637	11.637	9.000	2.637	11.637	Sở Công Thương	
2	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	4685/QĐ-UBND; 25/11/2021 4143/UBND-NC; 21/6/2023	12.639	12.639	11.850	789	12.639	BCH Quân sự tỉnh	

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	<i>Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh</i>					
3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	1207/QĐ-SKHĐT; 06/4/2021 VB 5302/UBND-TH; 29/7/2023	74.626	71.800	64.000	7.800	71.800	Trung tâm NS và VSMT nông thôn	
4	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	2841/QĐ-UBND; 01/8/2023	42.138	24.730		17.919	17.919	UBND huyện Tây Sơn	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 04

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch
1	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho Công ty Điện lực Bình Định	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh
2	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	BQL dự án Giao thông tỉnh

Phụ lục 08

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯA PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Đầu mỗi giao kế hoạch	Ghi chú
	TỔNG SỐ	7.592		
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.592		
	<i>Vốn chưa phân bổ</i>	7.592		
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	7.592	UBND huyện Hoài Ân	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW (vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 2021 - 2025	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
				Số quyết định	TMĐT										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
						Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:				
	TỔNG SỐ				97.720	9.712	9.712		88.008	88.008	0	72.000			
I	Giao thông				97.720	9.712	9.712		88.008	88.008	0	72.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				97.720	9.712	9.712		88.008	88.008	0	72.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				97.720	9.712	9.712		88.008	88.008	0	72.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				97.720	9.712	9.712		88.008	88.008	0	72.000			
(1)	Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	37999	KOICA	40/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	97.720	9.712	9.712	4215713 USD	88.008	88.008		72.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư		

Phụ lục 06

**BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
*	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.798.977	72.000	11.870.977	
	<i>Trong đó:</i>				
	Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.033.700	72.000	2.105.700	Chi tiết phụ lục 06

Phụ lục 05

ĐIỀU CHỈNH TÊN, DANH MỤC DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án tại Quyết định số 53268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của HĐND tỉnh và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung	Tên dự án điều chỉnh	Đầu mối giao kế hoạch
1	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải trường THPT Hùng Vương (Trường THPT Bùi Thị Xuân)	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng	Xây dựng mới trạm y tế xã An Hưng	UBND huyện An Lão

Phụ lục 09

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					
I.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN					
	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh					
	Dự án điều chỉnh giảm		-1.362			
1	Đường từ nhà bá Khuom đến ruộng mí Nham	975	-175	800	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
2	Đường từ nhà bá Khoan đến ruộng giá Roih	987	-187	800	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
3	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	3.270	-1.000	2.270		
	Dự án điều chỉnh tăng		1.362			
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	383	1.362	1.745	UBND huyện Vĩnh Thạnh	

Phụ lục 10

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯA PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	72.452	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	72.452	
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<i>72.452</i>	
	<i>Vốn chưa phân bổ</i>	<i>72.452</i>	
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	36.696	(*)
2	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	35.756	(*)

Ghi chú: (*)Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh phân bổ chi tiết các hạng mục hằng năm

Phụ lục 11

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-11.922		
1	Trung tâm GDNN Bình Định	380	-380	0	
2	Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn chưa phân bổ)	11.542	-11.542	0	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		11.922		
1	Trung tâm DVVL Bình Định	715	11.922	12.637	(*)

Ghi chú: (*) Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề xuất danh mục chi tiết và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh phân bổ chi tiết hàng năm